TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** Tỉnh Bến Tre	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **127**/2018/DS-ST
Ngày: 31-7-2018
V/v tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Văn Hai
2. Ông Nguyễn Văn Chót

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2018/TLST-DS ngày 23/4/2018 về tranh chấp*"Hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1553/2018/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2018/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị L, sinh năm 1982. (có mặt)
Nơi cư trú: Số nhà 77/1, ấp AH, xã AN, huyện P, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Lương Thị Ngọc H, sinh năm 1987. (vắng mặt)
Nơi cư trú: Số nhà 327/1, ấp AĐ, xã AN, huyện P, tỉnh Bến Tre.
3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988.
Nơi cư trú: Số nhà 327/1, ấp AĐ, xã AN, huyện P, tỉnh Bến Tre.
(Anh Đ ủy quyền cho chị H tham gia tố tụng tại Tòa án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 23/4/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị L trình bày:

Vào ngày 20/6/2017 chị và chị Lương Thị Ngọc H có tổng cộng các dây hụi đã mãn thì chị H còn nợ chị số tiền 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng, hai bên có làm biên nhận nợ, chị H có ký tên xác nhận nợ với chị số tiền này, chị H hứa 01 tháng sẽ trả toàn bộ số tiền này nhưng đến nay không trả.

Số tiền chơi hụi chị H sử dụng vào mục đích chung cho gia đình và anh Nguyễn Văn Đ (chồng chị H) cũng biết việc này nên chị yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ liên đới cùng chị H trả cho chị số tiền này.

Do chị H, anh Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị yêu cầu trả nợ gốc và lãi suất 0,75%/tháng, tính từ ngày 20/7/2017 cho đến ngày 20/7/2018 là 12 tháng với số tiền 10.800.000 đồng (Mười triệu, tám trăm nghìn) đồng.

Tại phiên tòa chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc chị Lương Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền gốc và lãi là 130.800.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu, tám trăm nghìn) đồng.

Chứng cứ chị cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của chị là 01 Bản chính biên nhận nợ có chữ ký của chị Lương Thị Ngọc H. Ngoài ra chị không cung cấp chứng cứ gì thêm.

Bị đơn Lương Thị Ngọc H, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo bản tự khai ngày 25/4/2018, trong quá trình tố tụng chị Lương Thị Ngọc H trình bày:

Chị thừa nhận chị và anh Nguyễn Văn Đ (chồng chị H) còn nợ của chị Lê Thị L số tiền vốn hụi 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng, có ký vào biên nhận nhưng đến nay chưa trả cho chị L.

Còn về việc chị L yêu cầu tính lãi suất của số tiền 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng tính từ ngày 20/7/2017, chị xin không trả do hiện nay hoàn cảnh đang gặp khó khăn. Chị H thừa nhận số tiền hụi đã sử dụng vào mục đích chung cho gia đình chị và anh Đ nên anh Đ cũng đồng ý có nghĩa vụ liên đới với chị H để trả cho chị L số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Lê Thị L tranh chấp hợp đồng góp hụi với bị đơn Lương Thị Ngọc H theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Về thụ tục tố tụng: Bị đơn chị Lương Thị Ngọc H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị H vẫn không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Do đó căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Hợp đồng góp hụi giữa nguyên đơn Lê Thị L với bị đơn Lương Thị Ngọc H được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Qua tố tụng tại Tòa án bị đơn chị Lương Thị Ngọc H đã thừa nhận chị H và anh Nguyễn Văn Đ còn nợ của chị Lê Thị L số tiền gốc 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng và cho rằng chưa có khả năng trả tiền gốc.

Do chị H, anh Đ đã vi phạm thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng nên chị L yêu cầu tính lãi suất chậm trả với số tiền là 10.800.000 đồng là đúng quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình (do chị H, anh Đ sử dụng tiền hụi vào mục đích chung cho gia đình) nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc chị Lương Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị L số tiền tổng cộng là 130.800.000 (Một trăm ba mươi triệu, tám trăm nghìn) đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị L được Tòa án chấp nhận nên chị Lương Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Số tiền án phí chị H, anh Đ phải liên đới nộp (130.800.000 đồng x 5%) là: 6.540.000 đồng (Sáu triệu, năm trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L. Buộc chị Lương Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị L số tiền 130.800.000 (Một trăm ba mươi triệu, tám trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lương Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới nộp: 6.540.000 (Sáu triệu, năm trăm bốn mươi nghìn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị Lê Thị L được Chi cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.448.200 (Ba triệu, bốn trăm bốn mươi tám nghìn, hai trăm) đồng theo biên lai thu số 0016229, ngày 23 tháng 4 năm 2018.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).